

Bản án số: 48/2026/HS-ST

Ngày: 12-3-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Như Huân

Bà Dương Thị Hường.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Tuấn A**; sinh ngày 10-01-1985 tại tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân: 036085027868; nơi đăng ký thường trú: **Số B T, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trịnh Ngọc L** và bà **Trần Thị Kim L1**; vợ: **Vũ Vân A1** (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28-9-2012 Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt **Trịnh Tuấn A** 42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-12-2025 chuyển tạm giam ngày 09-12-2025, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 **Công an tỉnh N**; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1971; nơi cư trú: **Tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

2. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **Tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Tuấn A không có công ăn việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân **Tuấn A** đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người dân để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 28-11-2025, **Trịnh Tuấn A** đi bộ từ phòng trọ ở **tổ dân phố L, phường N, tỉnh Ninh Bình** đến khu vực **dốc S thuộc tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**. Khi đi đến đầu dốc, **Tuấn A** phát hiện tại hiên nhà anh **Trần Văn H**, sinh năm 1980, trú tại **tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình** dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 99C1-473.09, xe không có chìa khóa, không khóa càng, không khóa cổ, **Tuấn A** đã dắt chiếc xe mô tô trên mang về phòng trọ cất giấu.

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05-12-2025, **Trịnh Tuấn A** đi bộ từ phòng trọ của mình dọc theo đường nhựa đến khu vực **tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình** phát hiện nhà ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1971, trú tại **tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình** đang mở cửa, điện bật sáng, có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, không có biển kiểm soát, chìa khóa cắm trong ổ khóa. **Trịnh Tuấn A** đã dắt chiếc xe ra ngoài nổ máy đi về phòng trọ cất giấu.

Ngày 05-12-2025, anh **Trần Văn H** và ông **Trần Ngọc T** đã đến **Công an phường Đ, tỉnh Ninh Bình** để trình báo, Cơ quan điều tra đã triệu tập **Trịnh Tuấn A** đến để làm việc và thu giữ 01 chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, không gắn biển kiểm soát và 01 chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 99C1-473.09 là tài sản mà **Tuấn A** đã trộm cắp. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ 03 đoạn video clip trích xuất từ camera an ninh do ông **Trần Ngọc T** và anh **Trần Văn H** giao nộp ghi lại hành vi trộm cắp của **Trịnh Tuấn A**.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06-12-2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự **Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Ninh Bình** kết luận:

Chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, không gắn biển kiểm soát, số khung RLHJA3902HY788847, số máy JA39E0769000 đã qua sử dụng có giá trị 8.300.000 đồng.

Chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 99C1-473.09, đã qua sử dụng, có giá trị 5.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 13.900.000 đồng.

Bản kết luận giám định số B1961/KL-KTHS ngày 21-12-2025 của **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp tin video gửi giám định.

Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, không gắn biển kiểm soát cho ông **Trần Ngọc T** và chiếc

xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 99C1-473.09 cho anh **Trần Văn H**. Ông **T** và anh **H** đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 93/CT-VKS-KV7 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình truy tố **Trịnh Tuấn A** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trịnh Tuấn A** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Trịnh Tuấn A** theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm d khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); tuyên bố bị cáo **Trịnh Tuấn A** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; vấn đề dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) bị cáo **Trịnh Tuấn A**, bị hại được quyền làm đơn kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trịnh Tuấn A** và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo **Trịnh Tuấn A**, lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06-12-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **Ủy ban nhân dân phường Đ**, tỉnh Ninh Bình và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 28-11-2025, tại nhà anh **Trần Văn H** ở **tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**, **Trịnh Tuấn A** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh **Trần Văn H** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 99C1-473.09 trị giá 5.600.000 đồng. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 05-12-2025, tại nhà ông **Trần Ngọc T** ở **tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**, **Trịnh Tuấn A** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông **Trần Ngọc T** 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, không có biển kiểm soát, trị giá 8.300.000 đồng của ông **T**. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.900.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[4]. Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án (đã được xóa án tích). Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vấn đề dân sự: Bị hại là anh **Trần Văn H** và ông **Trần Ngọc T** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Các vấn đề khác: Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, không gắn biển kiểm soát cho ông **Trần Ngọc T** và chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 99C1-473.09 cho anh **Trần Văn H** là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo **Trịnh Tuấn A** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Tuấn A** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Tuấn A** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06-12-2025.

2. Án phí: Bị cáo **Trịnh Tuấn A** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Trịnh Tuấn A** được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh **Trần Văn H** và ông **Trần Ngọc T** được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Thị Nhung

